

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG (*General information*):

- Tên học phần (*tiếng Việt*) : Pháp luật trong Du lịch – Khách sạn
- Tên học phần (*tiếng Anh*) : Law on Tourism (for Hospitality)
- Mã học phần : HM2010
- Trình độ : Đại học
- Loại học phần ☐ Bắt buộc ☐ Tự chọn
- Thuộc thành phần ☐ Kiến thức giáo dục đại cương
☐ Kiến thức cơ sở khối ngành
☐ Kiến thức cơ sở ngành
☐ Kiến thức ngành / chuyên ngành
☐ Kiến thức cuối khoá
- Khoa, Bộ môn phụ trách : Du lịch
- Số tín chỉ : 2(2,0,4)
(*Lý thuyết, thực hành, Tự học*)
- Phân bổ thời gian - Lý thuyết 30 giờ; Tự học, thảo luận nhóm: 70 giờ
- Thực hành 0 giờ; Tự học, thảo luận nhóm: 0 giờ
- Học phần tiên quyết : Không có
- Học phần học trước : Pháp luật đại cương.
- Học phần song hành : Không có

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN (*Course description*):

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Quản lý nhà nước đối với hoạt động du lịch, hệ thống kinh doanh du lịch, quản lý lao động trong doanh nghiệp du lịch. Sinh viên có được các kỹ năng sử dụng đúng thuật ngữ chuyên ngành và vận dụng vào trong thực tế công việc của một người phục vụ trong lĩnh vực kinh doanh lưu trú du lịch. Sinh viên có nhận thức được tầm

quan trọng của luật trong công việc và cuộc sống đồng thời có ý thức chấp hành tốt các điều luật.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (Course objectives):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có:

Ký hiệu	Mục tiêu học phần
Kiến thức	
O1	Hiểu được các khái niệm cơ bản, các đặc trưng của Luật Du lịch và vai trò của nó trong hoạt động du lịch.
Kỹ năng	
02	Vận dụng các quy định của luật trong giao tiếp và thực hành nghề nghiệp thuộc lĩnh vực lưu trú, soạn thảo được các loại hợp đồng và sử dụng hiệu quả với các đối tượng khác trong từng tình huống cụ thể.
Mức tự chủ và trách nhiệm	
O3	Ý thức tôn trọng các qui định của luật trong thực hành nghề nghiệp, hình thành kỹ năng giao tiếp hiệu quả giữa các cá nhân trên cơ sở luật.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN (Course learning outcomes - CLOs)

O _x	CLO _x	PLO _x
Kiến thức		
O1	CLO1: Trình bày được các khái niệm công cụ trong lĩnh vực du lịch và Luật Du lịch.	PLO1
	CLO2: Diễn giải hệ thống quản lý Nhà nước về du lịch	PLO1
Kỹ năng		
O2	CLO3: Áp dụng các điều luật trong mỗi lĩnh vực kinh doanh du lịch cụ thể: kinh doanh lữ hành, kinh doanh vận chuyển khách du lịch, kinh doanh lưu trú du lịch, phát triển các dịch vụ trong khu du lịch, điểm du lịch, đô thị du lịch.	PLO9
	CLO4: Ứng dụng các điều luật vào hoạt động kinh doanh lưu trú du lịch và phục vụ khách du lịch, và xử lý đúng các tình huống du lịch theo luật.	PLO9
Mức tự chủ và trách nhiệm		

O3	CLO5: Trách nhiệm nghề nghiệp, tuân thủ và chấp hành tốt các quy định của luật, phát triển kỹ năng giao tiếp hiệu quả giữa các cá nhân và tổ chức trên cơ sở các quy định của luật pháp.	PLO10
----	--	-------

5. NỘI DUNG HỌC PHẦN (Contents of course)

5.1. Lý thuyết:

Số TT	Nội dung (Tên bài giảng)	Số giờ				TỔNG
		Lý thuyết	Thảo luận nhóm	Tự học	Khác (nếu có)	
Bài 1	Giới thiệu học phần Đại cương về luật du lịch (Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 4) - Tổng quan về Pháp luật du lịch - Giải thích một số từ ngữ liên quan đến du lịch	2		4		6
Bài 2	Quản lý nhà nước về du lịch (Điều 20, 21, 22 và Điều 73, 74, 75) 2.1 Khái niệm quản lý nhà nước về du lịch 2.2 Hệ thống các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch 2.3 Trách nhiệm quản lý nhà nước về du lịch 2.4 Quy hoạch phát triển du lịch Thông tư 33, Nghị định 45	2	2	2		6
Bài 3	Quy chế pháp lý về khách du lịch 3.1 Khái niệm và phân loại khách du lịch 3.2 Quyền và nghĩa vụ của khách du lịch 3.3 Bảo đảm an toàn cho khách du lịch Thông tư 06, Thông tư 33, Nghị định 168, Nghị định 45	2	2	2		6
Bài 4	Quy chế pháp lý về khu du lịch, điểm du lịch. (Điều 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29) 4.1 Quy chế pháp lý về tài nguyên du lịch 4.2 Quy chế pháp lý về khu du lịch 4.3 Quy chế pháp lý về điểm du lịch Thông tư 33, Nghị định 45	2	2	4		8
Bài 5	Quy chế pháp lý về kinh doanh du lịch ở Việt Nam	2	2	2		6

		Số giờ				
Số TT	5.1 Quy định chung về kinh doanh du lịch 5.2 Kinh doanh dịch vụ lữ hành Mục 1: Điều 38 □ 39 Thông tư 06, Thông tư 33, Nghị định 168, Nghị định 45					TỔNG
Bài 5	Quy chế pháp lý về kinh doanh du lịch ở Việt Nam (tt) 5.2 Kinh doanh dịch vụ lữ hành Mục 1: Điều 40 □ 44 Thông tư 06, Thông tư 33, Nghị định 168, Nghị định 45	2	2	2		6
Bài 5	Quy chế pháp lý về kinh doanh du lịch ở Việt Nam (tt) 5.3 Kinh doanh vận tải khách du lịch Mục 2: Điều 47, 46, 47 Thông tư 06, Thông tư 33, Nghị định 168, Nghị định 45	2	2	2		6
Bài 5	Quy chế pháp lý về kinh doanh du lịch ở Việt Nam (tt) 5.4 Kinh doanh lưu trú du lịch Mục 3: Điều 48, 49, 50, 51, 52, 53 Thông tư 06, Thông tư 33, Nghị định 168, Nghị định 45	2	2	2		6
Bài 5	Quy chế pháp lý về kinh doanh du lịch ở Việt Nam (tt) 5.4 Kinh doanh lưu trú du lịch: Các bộ tiêu chuẩn về cơ sở lưu trú - TCVN 4391:2015 (khách sạn) - TCVN 7795:2021 (biệt thự du lịch) - TCVN 7796:2009 (bãi cắm trại du lịch)	2	2	2		6
Bài 5	Quy chế pháp lý về kinh doanh du lịch ở Việt Nam (tt) 5.4 Kinh doanh lưu trú du lịch: Các bộ tiêu chuẩn về cơ sở lưu trú - TCVN 7797:2009 (làng du lịch) - TCVN 7798:2014 (căn hộ du lịch) - TCVN 7799:2017 (nhà nghỉ du lịch) - TCVN 7800:2017 (nhà ở có phòng cho KDL thuê)	2	2	2		6
Bài 6	Hợp đồng dịch vụ du lịch 6.1 Dịch vụ và hợp đồng dịch vụ 6.2 Hợp đồng dịch vụ du lịch	2		4		6
Bài 7	Quy chế pháp lý về hướng dẫn viên du lịch	2	2	2		6

		Số giờ				
Số TT	Nội dung Điều 58 □ 66 (Tên bài giảng) Thông tư 06, Thông tư 33, Nghị định 168, Nghị định 45					TỔNG G
Bài 7	Quy chế pháp lý về hướng dẫn viên du lịch (tt) 7.2 Quyền và nghĩa vụ của hướng dẫn viên Điều 67 □ 68 Thông tư 06, Thông tư 33, Nghị định 168, Nghị định 45	2	2	2		6
Bài 8	Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch 8.1 Các hành vi bị nghiêm cấm trong lĩnh vực du lịch 8.2 Xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực du lịch.	2	4	4		10
	Ôn tập	2	4	4		10
TỔNG		30	30	40		100

6. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC (*Teaching – Learning methods*):

6.1. Phương pháp giảng dạy:

- Lý thuyết:

Giảng viên: thuyết giảng, trao đổi thông tin 2 chiều, hỏi đáp và giải đáp thắc mắc. Cho ví dụ minh họa thực tế của việc áp dụng thi hành luật hiện nay trong lĩnh vực lữ hành.

Sinh viên: chia nhóm, thảo luận nhóm về nội dung được giao, trình bày trước lớp những thông tin, kiến thức đạt được sau khi tự học và thảo luận nhóm.

6.2. Phương pháp học:

- Lý thuyết: Sinh viên nghe giảng, đặt câu hỏi liên quan đến bài giảng và mở rộng ra thực tế ngành nghề; tổ chức họp nhóm, phân chia nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm để thực hiện các công việc được giao; thuyết trình hoặc báo cáo tại lớp những nội dung được phân công.

7. TÀI LIỆU DẠY - HỌC, THAM KHẢO (*Learning materials*)

7.1. Tài liệu dạy học: chỉ có 1 tài liệu – bắt buộc bằng tiếng Việt

[1] Quốc hội (2017). *Luật Du lịch 2017*. NXB Chính Trị Quốc Gia

7.2. Tài liệu tự học và tham khảo: từ 3-5 tài liệu, một số học phần có thể có 7 tài liệu, (cả tiếng Việt và tiếng Anh)

- 1) Quốc hội (2005). *Luật Du lịch 2005*. NXB Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.
- 2) TCVN 4391:2015 (khách sạn)
- 3) TCVN 7795:2021 (biệt thự du lịch)
- 4) TCVN 7796:2009 (bãi cắm trại du lịch)
- 5) TCVN 7797:2009 (làng du lịch)
- 6) TCVN 7798:2014 (căn hộ du lịch)
- 7) TCVN 7799:2017 (nhà nghỉ du lịch)
- 8) TCVN 7800:2017 (nhà ở có phòng cho KDL thuê)
- 9) Chính phủ (2017), *Nghị định 168/2017/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch*.
- 10) Bộ VHTT&DL (2017), *Thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL Quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch*.
- 11) Chính phủ (2019), *Nghị định 45/2019/NĐ-CP Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch*.

7.3. Phần mềm, công cụ hỗ trợ bài tập hoặc thực hành

- 1) Phòng học lý thuyết.
- 2) Phương tiện phục vụ giảng dạy
- 2.a. Máy tính, máy chiếu, micro, loa, bảng, viết, giấy A0.
- 2.b. Tài liệu biên soạn trên Microsoft Powerpoint.
- 3) Phần mềm phục vụ giảng dạy
- 3.a. Phần mềm Elearning.hiu.vn - MsTeam
3. b. Zoom.
3. c. TripAdvisor

8. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ (*Testing and assessment methods*)

8.1. Thang điểm đánh giá:

Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn với một chữ số thập phân (đến 0,1) và xếp loại điểm chữ như sau:

Loại	Thang điểm 10	Điểm chữ	Quy đổi thang điểm 4
Đạt (các học phần được tính vào điểm trung bình học tập)	8,5 – 10	A	4
	7,0 – 8,4	B	3
	5,5 – 6,9	C	2
	4,0 – 5,4	D	1
Đạt (các học phần chỉ yêu cầu đánh giá “Đạt” và không tính điểm trung bình học tập)	Từ 5,0 trở lên	P	
Không đạt	< 4,0	F	0

8.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá tự học:

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Tỷ lệ %
<i>Hoàn thành bài tập theo nhóm</i>	- Kế hoạch làm việc của nhóm; - Bài thuyết trình trên lớp	<i>Rubric 2</i>	<i>30%</i>

8.3. Phương pháp đánh giá học phần:

Nội dung đánh giá		Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Tỷ lệ %
<i>Đánh giá quá trình</i>	<i>Chuyên cần</i>	<i>Điểm danh, ý thức học tập</i>	<i>Rubric 1</i>	<i>10%</i>
	<i>Kiểm tra thường xuyên</i>	<i>Bài thuyết trình nhóm</i>	<i>Rubric 2</i>	<i>30%</i>
<i>Kết thúc học phần</i>	<i>Thi</i>	<i>Trắc nghiệm</i>	<i>Rubric 3</i>	<i>60%</i>

9. MA TRẬN (Matrix):

❖ Ma trận tương thích chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)											
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
CLO1	P											
CLO2	P											
CLO3									P			
CLO4									P			
CLO5										P		

Ghi chú: các ký tự trong các ô thể hiện

P: Đóng góp một phần cho chuẩn đầu ra

Partial supported

S: Đóng góp cho chuẩn đầu ra

Supported

H: Đóng góp quan trọng cho chuẩn đầu ra

Highly supported

Để trống ô, nếu học phần không có đóng góp cho chuẩn đầu ra tương ứng

10. RUBRIC / THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ (Scoring guide/Rubric):

Rubric 1: Đánh giá việc tham gia hoạt động học tập của sinh viên (A1.1.)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.6-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Chuyên cần	Không đi học (<30%)	Đi học không chuyên cần (<50%)	Đi học khá chuyên cần (<70%)	Đi học chuyên cần (<90%)	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (100%)	50%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp.	Hiếm khi tham gia phát biểu đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan tới bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan tới bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	50%

Rubric 2: Đánh giá Làm việc nhóm và Thuyết trình nhóm

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.6-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Tổ chức phân nhiệm công tác	Không có sự làm việc nhóm	Trách nhiệm và nhiệm vụ công việc của các thành viên trong nhóm không được phân công cụ thể	Mỗi thành viên có nhiệm vụ công việc riêng nhưng không rõ ràng và không phù hợp với khả năng của thành viên trong nhóm.	Nhiệm vụ công việc rõ ràng và phù hợp với khả năng của thành viên trong nhóm.	Nhiệm vụ công việc của mỗi thành viên rõ ràng, cụ thể và phù hợp. Phát huy thế mạnh của các thành viên trong nhóm. Tương tác, phối hợp tốt giữa các thành viên.	20%
Chuẩn bị cho vai trò của mình	<30%	<50%	<70%	<90%	100% (tinh thần sẵn sàng cho vai trò của mình)	20%
Thực hiện vai trò	Không hoàn thành	Thực hiện nhiệm vụ của cá	Thực hiện nhiệm vụ nhưng chưa	Thực hiện nhiệm vụ, biết tổng hợp	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đúc kết được	40%

được phân công	nhiệm vụ đã được phân công.	nhân còn nhiều điểm thiếu sót.	nắm vững kiến thức và kỹ năng.	kiến thức và phát triển kỹ năng.	bài học kinh nghiệm cho bản thân và những người khác.	
Phối hợp nhóm	Không bao giờ phối hợp, hợp tác với nhóm.	Hiếm khi hợp tác, phối hợp làm việc nhóm.	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Thỉnh thoảng tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Thường xuyên tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Luôn tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	20%

Rubric 3: Thang điểm chấm bài thi trắc nghiệm cuối kỳ.

Đề thi cuối kỳ 50 câu trắc nghiệm trong thời gian 60 phút. Đề thi và đáp án được biên soạn theo quy định của nhà trường với các nội dung có trong bài học.

11. HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ CỦA GIẢNG VIÊN VÀ TRỢ GIẢNG (*Student support*)

- Giảng viên sẽ giải đáp tất cả các thắc mắc của học viên liên quan đến môn học.
- Sinh viên có thể gửi email qua địa chỉ phuongbtn@hiu.vn hoặc gặp trực tiếp giảng viên vào ngày thứ 2,3,4,5,6 hàng tuần tại Văn phòng khoa Kinh tế - Quản trị.

Tp.HCM, ngày tháng năm 202

Trưởng Khoa

P. Trưởng Bộ môn

Người biên soạn